

Bản án số: 200/2019/HS-ST  
Ngày 22-11-2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Công Tạo

Ông Huỳnh Sơn Tây

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc S, sinh năm 1989; tại tỉnh Bình Phước; hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thanh B, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1964; bị cáo có vợ tên Dương Thị L, sinh năm 1993.

Tiền án, tiền sự: Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 03/12/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (chưa đóng án phí);

Nhân thân: Ngày 11/4/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2014 (đã nộp án phí ngày 19/6/2013).

Bị cáo bị bắt ngày 27/7/2019 sau đó tạm giữ, tạm giam đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Trung H, sinh năm 1986; tại tỉnh Tiền Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; tạm trú: Khu phố Ô, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha không rõ họ

tên và mẹ là bà Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Triệu Thị Ngọc Á; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 27/7/2019 sau đó tạm giữ, tạm giam đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Thanh B, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

2. Bà Trần Tiểu H, sinh năm 2001, địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Người làm chứng:* Ông Quách Hải A và ông Nguyễn Thanh Đ (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung H và Phạm Ngọc S là bạn bè và đều nghiện ma túy loại Methamphetamine. Khoảng 10 giờ ngày 27/7/2019, sau khi H và S uống bia cùng với Quách Hải A thì H điều khiển xe mô tô hiệu Vision, biển số 93M1-296.65 chở S về nhà. Trên đường đi, S rủ H góp tiền mua ma túy sử dụng, H đồng ý. Do không có tiền nên S bảo H chở đi gặp Trần Tiểu H (là bạn của S) để mượn 300.000 đồng. Sau đó, H điều khiển xe chở S đi đến tiệm cầm đồ (không rõ tên, địa chỉ) để cầm 01 điện thoại di động của H lấy 300.000 đồng. Sau đó, H sử dụng điện thoại của S gọi cho một người đàn ông tên M (không rõ nhân thân) hỏi mua 600.000 đồng ma túy đá, M đồng ý và hẹn giao ma túy phía trước nhà hàng T (khu phố Ô, phường H, thị xã T). H chở S đến vị trí cách nhà hàng T khoảng 50 mét thì dừng xe và đưa cho S 300.000 đồng để S đi lấy ma túy. S đến phía trước cổng nhà hàng T gặp một người tên M, S đưa cho M 600.000 đồng rồi nhận 01 gói ma túy đá và cất giấu vào túi quần phía sau bên phải.

Sau khi mua được ma túy, H điều khiển xe chở S đi đến phòng trọ của Nguyễn Thanh Đ (thuộc khu phố B, phường H) để sử dụng ma túy. Khi đi đến nơi, S đưa gói ma túy đá cho H và bảo H tách cho S một ít để mang về phòng trọ sử dụng. H tách một ít ma túy cho vào 01 đoạn ống hút màu xanh rồi đưa cho S hàn kín lại. Sau đó, H lấy một ít ma túy để vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy (có sẵn trong phòng của Đ) và sử dụng cùng với S và Đ. Số ma túy còn lại H đặt trên kệ chén trong phòng trọ của Đ. Lúc đó, S gọi điện thoại rủ A đến phòng trọ của Đ để sử dụng ma túy. Đến khoảng 11 giờ 45 phút, A đi đến phòng trọ của Đ. Cùng lúc này, lực lượng Công an phường H kiểm tra hành chính phát hiện tại phòng trọ của Đ: 01 gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể trắng, 01 đoạn ống hút hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể màu trắng. H và S khai nhận đây là ma túy đá do H và S mua để sử dụng. Công an phường H tiến hành lập biên bản niêm phong số ma túy nêu trên và thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Ngọc S, 01 điện thoại di động hiệu Samsung, 01 xe mô tô biển số 93M1-296.65.

Tại Bản kết luận giám định số 586/MT-PC09 ngày 02/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong 01 gói nylon hàn kín (M1) có khối lượng 0,2603 gam là ma túy, loại Methamphetamine,.

- Tinh thể màu trắng trong 01 đoạn ống hút hàn kín hai đầu (M2) có khối lượng 0,1327 gam là ma túy, loại Methamphetamine,.

Xe mô tô biển số 93M1 – 296.65 do ông Phạm Thanh B (cha ruột của Phạm Ngọc S) đứng tên chủ sở hữu. Ông B giao xe cho S để làm phương tiện đi lại. Ông B không biết S sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy. Ngày 22/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra Quyết định xử lý vật chứng số 225 và trả lại xe mô tô này cho ông B.

Đối với đối tượng tên M do không xác định được lai lịch nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra và xử lý sau. Đối với Trần Tiểu H cho bị cáo S mượn tiền, không biết bị cáo sử dụng tiền mua ma túy; ông Nguyễn Thanh Đảm và ông Quách Hải A không biết các bị cáo S và H tàng trữ ma túy nên cơ quan điều tra không xử lý.

Cáo trạng số 206/CT-VKS.TU ngày 29/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố các bị cáo Phạm Ngọc S và Nguyễn Trung H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung cáo trạng. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo S có một tình tiết tăng nặng “tái phạm” và có nhân thân xấu. Bị cáo S là người khởi xướng rủ rê bị cáo H và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Còn bị cáo H là người thực hành. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và điểm c khoản 1 Điều 249 xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; hoàn trả giấy chứng minh nhân dân cho bị cáo S; tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với điện thoại di động của bị cáo S sử dụng để liên lạc mua ma túy.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, lời nói sau cùng các bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh B, bà Trần Tiểu H và người làm chứng ông Quách Hải A, ông Nguyễn Thanh Đ vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông B, bà H đã có lời khai đầy đủ và không có yêu cầu gì khác; ông A và ông Đ đã có lời khai đầy đủ; việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B, bà H, ông A và ông Đ.

[3] Đối với đối tượng tên M đã bán ma túy cho các bị cáo, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh, xử lý sau là phù hợp. Đối với Trần Tiểu H cho bị cáo S mượn tiền nhưng không biết bị cáo S dùng tiền mua ma túy; ông Nguyễn Thanh Đ và ông Quách Hải A không biết bị cáo S và bị cáo H tàng trữ ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với H, A và Đ là phù hợp.

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Ngọc S và Nguyễn Trung H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày ngày 27/7/2019, tại khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Phạm Ngọc S và Nguyễn Trung H bị bắt quả tang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamine có tổng khối lượng 0,3930gam (M1: 0,2603gam và M2: 0,1327gam) với mục đích sử dụng. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân các bị cáo: Bị cáo Phạm Ngọc S có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước xử phạt 12 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, đã được xóa án tích. Bị cáo S có 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do có 01 tiền án về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chưa được xóa án tích (do chưa nộp án phí) mà tiếp tục phạm tội mới. Bị cáo Nguyễn Trung H không có tình tiết tăng nặng, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Đây là

những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ý thức được tác hại của ma túy đối với xã hội và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của bản thân nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hiện nay, tình hình nghiện hút chất ma túy đang diễn ra phức tạp, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm hình sự khác. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân có ích. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục các bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Về tính chất đồng phạm: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cụ thể giữa các bị cáo. Trong đó, bị cáo S là người khởi xướng, chủ động rủ bị cáo H mua ma túy sử dụng, dùng xe mượn của cha là ông Phạm Thanh B để làm phương tiện mua ma túy, sử dụng điện thoại để H liên lạc mua ma túy và là người trực tiếp gặp M mua ma túy. Còn H là người thực hành, trực tiếp liên lạc điện thoại với M để hỏi mua ma túy và chở S đi mua ma túy. Do đó, vai trò của bị cáo S cao hơn bị cáo H trong việc thực hiện hành vi phạm tội.

[9] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 93M1-296.65 là tài sản hợp pháp của ông Phạm Thanh B, ông B không biết bị cáo S sử dụng làm phương tiện mua ma túy nên Cơ quan Công an trả lại cho ông B là phù hợp.

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm lưu thông và 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Hoàn trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc S 01 giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Ngọc S là giấy tờ tùy thân không liên quan tội phạm.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung của bị cáo Phạm Ngọc S dùng để liên lạc mua ma túy.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp.

[11] Về án phí: Các bị cáo pH nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các điều 106, 136, 292, 293, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc S và bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2019.

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/7/2019.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bì thư niêm phong ký hiệu 586/PC09 chứa 0,0514 gam (M1) và 0,0715 gam (M2) ma túy, loại Methamphetamine là đối tượng hoàn trả sau giám định theo Bản kết luận giám định số: 586/MT-PC09 ngày 02/8/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương; 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7 Pro, màu vàng gol, Imei1: 353317/09/763154/4, Imei 2: 353318/09/673154/2, bị bể màn hình, không kiểm tra trong máy.

- Hoàn trả cho bị cáo Phạm Ngọc S 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân tên Phạm Ngọc S.

*(Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/11/2019).*

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Phạm Ngọc S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Trung H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được nêi yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; (2)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 - Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T; (2)
- Chi cục THADS thị xã T (để thi hành); (1)
- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Quỳnh Nga**

